

CÔNG TY TNHH BÁCH LÊ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BÁCH LÊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH LE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BACHLECO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108230023

3. Ngày thành lập: 12/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 67, Ngách 50, Ngõ 310, Đường Nghi Tàm, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983338906

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
2.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện; - Bán lẻ phụ tùng xe đạp	4773
3.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
4.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
8.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
9.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
10.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
11.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
12.	Sản xuất rượu vang	1102
13.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
14.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
15.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
16.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
17.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ	1629
19.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
21.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
24.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
25.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
26.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
27.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
28.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
29.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
30.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
31.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
32.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
33.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
34.	Khai thác gỗ	0221
35.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
37.	Sản xuất đường	1072
38.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
39.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
40.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
41.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
42.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
43.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
44.	Trồng cây ăn quả	0121
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Sản xuất điện	3510
47.	Phá dỡ	4311

48.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao	4763
49.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
50.	Lập trình máy vi tính	6201
51.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
52.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
53.	Xây dựng nhà các loại	4100
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
56.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
61.	Bán mô tô, xe máy	4541
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
63.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
64.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
65.	Bán buôn gạo	4631
66.	Bán buôn thực phẩm	4632
67.	Bán buôn đồ uống	4633
68.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
69.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
70.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
71.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
72.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
74.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
75.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
76.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730

77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
78.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ thông tin qua điện thoại	6329
79.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
80.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
81.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
82.	Xây dựng công trình công ích	4220
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
84.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CAO SƠN	Số 41, Phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.900.000.000	58,000	001086017635	
2	LÊ VIỆT ANH	Số 33, hẻm 29/70/2 Phố Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.100.000.000	42,000	001078003785	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CAO SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *03/02/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001086017635*

Ngày cấp: *24/03/2017*

Nơi cấp: *cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 41, Phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 41, Phố Cửa Bắc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội